

Số: 21 /2026/QĐ-CTUBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 148/TTr-STC ngày 31 tháng 3 năm 2026;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên được giao tại Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân (sau đây gọi tắt là Nghị định 77/2025/NĐ-CP) được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định 286/2025/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định 77/2025/NĐ-CP; được sửa đổi tại điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân quy định tại khoản 3 Điều 10; khoản 3 Điều 20; khoản 4 Điều 47 Nghị định 77/2025/NĐ-CP; được sửa đổi tại điểm i khoản 11 Điều 3 Nghị định 286/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý tài sản công số 15/2017/QH15; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 8 Luật số 90/2025/QH15.

4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của địa phương ra quyết định tịch thu (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất).

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản là xe ô tô.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều này) đối với:

a) Tài sản do cơ quan mình trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu.

b) Tài sản thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ra quyết định tịch thu.

c) Tài sản do người có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý ra quyết định tịch thu.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất).

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản là xe ô tô; tài sản do cơ quan thi hành án cấp tỉnh và cơ quan thi hành án cấp quân khu chuyển giao.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan thi hành án chuyển giao đối với các vụ việc xảy ra trên địa bàn quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (trừ tài sản là nhà, đất, công trình xây dựng gắn liền với đất và tài sản quy định tại điểm c khoản 7 Điều 5 Nghị định 77/2025/NĐ-CP)

1. Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản là xe ô tô do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho đơn vị mình và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định 77/2025/NĐ-CP

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại Điều 5 Quyết định này thì có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc chi cục và trực thuộc đơn vị tương đương thuộc cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hưng Yên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Báo, Phát thanh và Truyền hình Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
11/05/2026 11:00:21

Nguyễn Lê Huy